

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư
IPA PARTNER**

(trước đây là "Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán I.P.A")

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
(trước đây là “Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A”)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 37



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

(trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER (trước đây là "Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A") ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 27/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 02 năm 2026.

Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 02 tháng 07 năm 2021. Ngày 27 tháng 02 năm 2026, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF), Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100) và Quỹ đầu tư thành viên IPA (IPAMF). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho một số tổ chức và cá nhân trong nước.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Bà Phạm Minh Hương được bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch Công ty theo Nghị quyết số 20/2024/ND-HĐQT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Phạm Minh Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám Đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
(trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2026





Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12857310/E-69105446

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

ĐOBT
CÔN
TI
NST
VIỆT
PHC



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2400-2023-004-1


Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		182.886.097.695	143.643.056.235
110	I. Tiền và tương đương tiền	5	9.798.658.046	15.492.441.235
111	1. Tiền		2.270.772.124	299.815.139
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.527.885.922	15.192.626.096
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	147.090.079.260	96.973.184.864
121	1. Đầu tư ngắn hạn		147.939.309.260	99.173.579.036
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(849.230.000)	(2.200.394.172)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.960.524.841	31.148.259.997
134	1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	22.823.611.244	28.768.650.279
135	2. Các khoản phải thu khác	8	3.156.913.597	2.399.609.718
139	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.000.000)	(20.000.000)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		36.835.548	29.170.139
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	36.835.548	29.170.139
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.516.800.000	2.787.352.875
250	I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	1.506.800.000	2.295.847.031
258	1. Đầu tư dài hạn khác		1.506.800.000	4.600.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(2.304.152.969)
260	II. Tài sản dài hạn khác		10.000.000	491.505.844
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	20.675.250
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	-	460.830.594
268	3. Tài sản dài hạn khác	11	10.000.000	10.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		184.402.897.695	146.430.409.110
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		36.326.950.132	14.220.875.268
310	I. Nợ ngắn hạn		36.326.950.132	13.802.126.293
312	1. Phải trả người bán	12	530.499.265	70.614.227
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.453.167.554	9.051.168.519
316	3. Chi phí phải trả	14	113.400.000	146.692.985
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	25.229.883.313	4.533.650.562
330	II. Nợ dài hạn		-	418.748.975
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	-	418.748.975
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	148.075.947.563	132.209.533.842
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
419	2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.916.896.584	1.916.896.584
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.159.050.979	30.292.637.258
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		184.402.897.695	146.430.409.110

2-C
Y
JUN
IM
CHIN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ	17	128.436.994.400	92.592.044.400
	Trong đó:			
7	1.1. Chứng khoán giao dịch		128.436.994.400	92.592.044.400
11	1.2. Chứng khoán chờ thanh toán		-	-
20	2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty Quản lý quỹ		1.504.800.000	4.500.000.000
30	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	18	12.105.664.612	849.565
31	3.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		12.105.664.612	849.565
40	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	19	5.017.517.192.097	5.563.142.852.175
41	4.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		5.017.517.192.097	5.563.142.852.175
50	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	20	2.297.300.000	-
51	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	21	21.926.009.447	27.923.530.060

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu		43.425.805.416	37.816.594.030
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22	43.425.805.416	37.816.594.030
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	(8.380.310.203)	(10.020.251.237)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		35.045.495.213	27.796.342.793
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	16.684.245.095	24.094.441.898
22	7. Chi phí tài chính	25	2.011.950.248	(2.478.239.452)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(2.354.923.404)	(3.367.465.051)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		51.386.767.152	46.045.080.188
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		(260.000.000)	(321.947.020)
40	12. Lỗ khác		(260.000.000)	(321.947.020)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.126.767.152	45.723.133.168
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(10.218.271.812)	(8.859.547.025)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.1	(42.081.619)	(189.440.932)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		40.866.413.721	36.674.145.211

Hà Nội, Việt Nam

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. Lợi nhuận trước thuế		51.126.767.152	45.723.133.168
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(9.989.505.602)	(6.097.801.057)
3	- Các khoản (hoàn nhập)/chi phí dự phòng		(3.655.317.141)	616.392.992
5	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.334.188.461)	(6.714.194.049)
8	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		41.137.261.550	39.625.332.111
9	- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu		6.038.054.284	(28.037.017.560)
10	- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho (chứng khoán kinh doanh)		(52.765.730.224)	7.170.285.771
11	- Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.833.900.948)	(491.313.820)
12	- Giảm chi phí trả trước		13.009.841	95.976.018
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.859.547.025)	(904.384.534)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(18.270.852.522)	17.458.877.986
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(36.545.638.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.000.000.000	32.545.638.000
25	3. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(1.506.800.000)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		4.635.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.448.869.333	7.350.990.567
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.577.069.333	3.350.990.567
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(12.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(12.000.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.693.783.189)	8.809.868.553
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	15.492.441.235	6.682.572.682
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	9.798.658.046	15.492.441.235

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
(trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A")

B05-CTQ

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16	1.916.896.584	1.916.896.584	-	-	-	-	1.916.896.584	1.916.896.584
3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	5.618.492.047	30.292.637.258	36.674.145.211	12.000.000.000	40.866.413.721	25.000.000.000	30.292.637.258	46.159.050.979
Tổng cộng		107.535.388.631	132.209.533.842	36.674.145.211	12.000.000.000	40.866.413.721	25.000.000.000	132.209.533.842	148.075.947.563

Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2026



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiểm Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER (trước đây là "Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A") ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 27/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 02 năm 2026.

Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 02 tháng 07 năm 2021. Ngày 27 tháng 02 năm 2026, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF); Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100) và Quỹ đầu tư thành viên IPA (IPAMF). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho một số tổ chức và cá nhân trong nước.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 15 người (31 tháng 12 năm 2024: 18 người).

02-C
TY
+
'OUN
AM
)CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”) thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày gửi, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên ba (3) tháng đến mười hai (12) tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.8 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Lợi ích nhân viên

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ lao động và thương binh xã hội (từ ngày 01 tháng 03 năm 2025 là Bộ Nội vụ). Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.11 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền	2.270.772.124	299.815.139
Tiền gửi không kỳ hạn	2.270.772.124	299.815.139
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	22.419.822	106.667.516
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.248.257.681	67.401.791
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở	94.621	125.745.832
Các khoản tương đương tiền	7.527.885.922	15.192.626.096
- Tiền gửi giao dịch chứng khoán tại Công ty Cổ phần chứng khoán VNDirect	27.885.922	10.192.626.096
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	7.500.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	9.798.658.046	15.492.441.235

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn (i)	147.939.309.260	99.173.579.036
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(849.230.000)	(2.200.394.172)
Tổng cộng	147.090.079.260	96.973.184.864

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>VND</u>	<u>Cổ phiếu</u>	<u>VND</u>
Đầu tư ngắn hạn				
Cổ phiếu niêm yết	274.100	19.878.310.000	8.225	160.376.287
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	500.000	6.100.000.000
Trái phiếu niêm yết	870.852	88.060.999.472	488.990	48.913.202.961
Chứng chỉ quỹ	3.861.079	39.999.999.788	3.861.079	39.999.999.788
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	4.000	4.000.000.000
	5.006.031	147.939.309.260	4.862.294	99.173.579.036
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(849.230.000)	-	(2.200.394.172)
Tổng cộng	5.006.031	147.090.079.260	4.862.294	96.973.184.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm: (tiếp theo)

Trong đó, các cổ phiếu bị giảm giá bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu niêm yết	148.100	9.883.330.000	48	3.662.972
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (mã cổ phiếu: REE)	148.100	9.883.330.000	-	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (mã cổ phiếu: GAS)	-	-	48	3.662.972
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	500.000	6.100.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 (mã cổ phiếu: C4G)	-	-	500.000	6.100.000.000
Tổng cộng	148.100	9.883.330.000	500.048	6.103.662.972

(ii) Biến động dự phòng trong năm như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	2.200.394.172	-
(Hoàn nhập)/Trích lập trong năm	(1.351.164.172)	2.200.394.172
Số cuối năm	849.230.000	2.200.394.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (i)	925.941.786	905.506.610
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (ii)	20.435.622.849	16.879.340.669
Phải thu phí thưởng hoạt động (ii)	1.462.046.609	10.983.803.000
Tổng cộng	22.823.611.244	28.768.650.279

(i) Theo quy định tại Điều lệ Quỹ của các quỹ đầu tư được quản lý bởi Công ty, Công ty sẽ được hưởng phí quản lý như sau:

<i>Quỹ được quản lý</i>	<i>Tỷ lệ phí quản lý quỹ/năm</i>
Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF)	1,50%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF)	1,10%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF)	0,90%
Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100)	0,60%
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA (IPAMF)	0,50%

Theo đó, phí quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá và thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Tỷ lệ phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

(ii) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng tỷ lệ phí quản lý không quá 2% trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch thành công. Ngoài ra, Công ty được hưởng phí thưởng khi Danh mục vượt ngưỡng lợi nhuận kỳ vọng quy định cụ thể trong hợp đồng quản lý Danh mục đầu tư.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ cổ tức	20.000.000	20.000.000
Dự thu lãi trái phiếu	2.944.064.004	2.025.624.328
Dự thu lãi tiền gửi	-	68.120.548
Phải thu người lao động	-	105.561.200
Các khoản phải thu khác	192.849.593	180.303.642
Tổng cộng	3.156.913.597	2.399.609.718

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí mua bảo hiểm sức khỏe	12.855.548	29.170.139
Chi phí thuê kênh truyền	23.980.000	-
Tổng cộng	36.835.548	29.170.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		150.480	1.506.800.000	450.000	4.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF	0,1%	150.480	1.506.800.000	-	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	15%	-	-	450.000	4.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (i)		-	-	-	(2.304.152.969)
Tổng cộng		150.480	1.506.800.000	450.000	2.295.847.031

(i) Các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu không niêm yết: Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	-	2.304.152.969
Tổng cộng	-	2.304.152.969

Biến động các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	2.304.152.969	3.693.154.149
Hoàn nhập trong năm	(2.304.152.969)	(1.389.001.180)
Số cuối năm	-	2.304.152.969

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	10.000.000	10.000.000

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Giải pháp công nghệ IPA	361.100.000	-
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	62.728.055	69.042.308
Đối tượng khác	106.671.210	1.571.919
Tổng cộng	530.499.265	70.614.227

1180
G T
IHH
& YC
C NA
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.859.547.025	10.218.271.812	(8.859.547.025)	10.218.271.812
Thuế thu nhập cá nhân	191.621.494	840.094.497	(796.820.249)	234.895.742
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Tổng cộng	<u>9.051.168.519</u>	<u>11.061.366.309</u>	<u>(9.659.367.274)</u>	<u>10.453.167.554</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí kiểm toán	113.400.000	108.000.000
Chi phí phải trả khác	-	38.692.985
Tổng cộng	<u>113.400.000</u>	<u>146.692.985</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí Công đoàn	215.672.445	212.712.445
Phải trả lợi nhuận phân phối cho chủ sở hữu	25.000.000.000	-
Phải trả tiền tạm ứng cổ tức đã nhận	-	4.275.000.000
Phải trả, phải nộp khác	14.210.868	45.938.117
Tổng cộng	<u>25.229.883.313</u>	<u>4.533.650.562</u>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
(trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A")

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	100.000.000.000	1.916.896.584	5.618.492.047	107.535.388.631
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	36.674.145.211	36.674.145.211
Phân phối lợi nhuận	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	100.000.000.000	1.916.896.584	30.292.637.258	132.209.533.842
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	100.000.000.000	1.916.896.584	30.292.637.258	132.209.533.842
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	40.866.413.721	40.866.413.721
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	100.000.000.000	1.916.896.584	46.159.050.979	148.075.947.563

(*) Theo Quyết định số 207/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHỨNG KHOẢN LƯU KÝ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá
Chứng khoán giao dịch	5.006.031	128.436.994.400	4.858.294	92.592.044.400
Chứng khoán chờ thanh toán	-	-	-	-
Tổng cộng	5.006.031	128.436.994.400	4.858.294	92.592.044.400

18. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	849.565	1.398.436
Số tăng trong năm	212.079.631.700	38.841.655.204
Số giảm trong năm	(199.974.816.653)	(38.842.204.075)
Số dư cuối năm	12.105.664.612	849.565

Trong đó:

	Năm nay	Năm trước
Nhà đầu tư cá nhân		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	178.988.695.479	-
Số giảm trong năm	(166.884.383.694)	-
Số dư cuối năm	12.104.311.785	-

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Bkav		
Số dư đầu năm	-	528.587
Số tăng trong năm	-	141.653.488
Số giảm trong năm	-	(142.182.075)
Số dư cuối năm	-	-

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng		
Số dư đầu năm	849.565	869.849
Số tăng trong năm	33.090.936.221	38.700.001.716
Số giảm trong năm	(33.090.432.959)	(38.700.022.000)
Số dư cuối năm	1.352.827	849.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.017.517.192.097	5.563.142.852.175
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.881.682.985.228	4.079.899.115.175
- Cổ phiếu niêm yết	847.887.989.000	578.849.076.000
Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (mã cổ phiếu: PTI)	-	578.849.076.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	300.000.000.000	300.000.000.000
Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá:	-	-
- Trái phiếu niêm yết	243.766.126.250	100.975.000.000
Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá:	-	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	744.180.091.619	503.419.661.000
Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá:	-	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
Tổng cộng	5.017.517.192.097	5.563.142.852.175

20. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ giao dịch bán chứng khoán	2.297.300.000	-
Tổng cộng	2.297.300.000	-

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng	21.897.669.448	27.863.143.669
Phải trả phí lưu ký tại Ngân hàng	22.681.859	60.386.391
Phải trả khác	5.658.140	-
Tổng cộng	21.926.009.447	27.923.530.060

22. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	10.281.285.823	9.234.250.535
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	31.644.519.593	17.598.540.495
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	1.500.000.000	10.983.803.000
Tổng cộng	43.425.805.416	37.816.594.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	5.673.582.101	7.038.014.836
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	2.706.728.102	2.982.236.401
Tổng cộng	8.380.310.203	10.020.251.237

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi kinh doanh chứng khoán	10.385.056.634	17.380.247.849
Cổ tức được nhận	85.000.000	605.140.400
Lãi trái phiếu	5.824.192.391	5.420.295.310
Lãi tiền gửi ngân hàng	389.996.070	688.758.339
Tổng cộng	16.684.245.095	24.094.441.898

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗ kinh doanh chứng khoán	(1.500.372.072)	(1.452.381.530)
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	1.351.164.172	(2.200.394.172)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	2.304.152.969	1.389.001.180
Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký	(128.789.661)	(212.595.477)
Chi phí tài chính khác	(14.205.160)	(1.869.453)
Tổng cộng	2.011.950.248	(2.478.239.452)

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	789.789.362	2.239.978.721
Chi phí thuê văn phòng	855.000.000	760.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	95.475.989	9.221.000
Thuế, phí và lệ phí	5.443.000	18.910.031
Chi phí phân bổ CCDC, phần mềm	8.300.000	12.450.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	600.915.053	326.905.299
Tổng cộng	2.354.923.404	3.367.465.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.126.767.152	45.723.133.168
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(35.408.093)	(1.425.398.042)
Các khoản điều chỉnh tăng	2.353.744.876	763.743.538
- Dự thu lãi trái phiếu, tiền gửi	2.093.744.876	441.796.518
- Chi phí không được khấu trừ thuế	260.000.000	321.947.020
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.389.152.969)	(2.189.141.580)
- Doanh thu không chịu thuế - Cổ tức	(85.000.000)	(605.140.400)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(2.304.152.969)	(1.584.001.180)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	51.091.359.059	44.297.735.126
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.218.271.812	8.859.547.025
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	8.859.547.025	165.753.704
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng theo tờ khai QT điều chỉnh bổ sung năm trước	-	738.630.830
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(8.859.547.025)	(904.384.534)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	42.081.619	189.440.932
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	10.218.271.812	8.859.547.025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	460.830.594	738.630.830
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	<u>(460.830.594)</u>	<u>(277.800.236)</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>-</u>	<u>460.830.594</u>
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	418.748.975	507.108.279
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm	<u>(418.748.975)</u>	<u>(88.359.304)</u>
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	<u>-</u>	<u>418.748.975</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.1 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày lập báo cáo này, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết mà Công ty đang nắm giữ là 20.172.500.000 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 20% của chỉ số chứng khoán niêm yết có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

28.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Phân tích và Đầu tư chứng khoán theo chính sách của Công ty.

Đơn vị tính: VND

	<i>Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá</i>	<i>Đã quá hạn và chưa bị giảm giá</i>	<i>Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.798.658.046	-	-	9.798.658.046
Các khoản đầu tư ngắn hạn	138.055.979.260	-	9.883.330.000	147.939.309.260
Các khoản phải thu ngắn hạn	25.960.524.841	-	20.000.000	25.980.524.841
Chi phí trả trước ngắn hạn	36.835.548	-	-	36.835.548
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.506.800.000	-	-	1.506.800.000
Tài sản dài hạn khác	10.000.000	-	-	10.000.000
Tổng cộng	175.368.797.695	-	9.903.330.000	185.272.127.695

02-C
TY
1
YOUN
JAM
5 CHỈ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
(trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A")

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND
Tài sản						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	9.798.658.046	-	-	-	9.798.658.046
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	147.939.309.260	-	147.939.309.260
Phải thu nghiệp vụ khác	-	22.823.611.244	-	-	-	22.823.611.244
Các khoản phải thu khác	20.000.000	2.944.064.004	192.849.593	-	-	3.156.913.597
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	36.835.548	-	36.835.548
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	1.506.800.000	1.506.800.000
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	10.000.000	10.000.000
Tổng tài sản	20.000.000	35.566.333.294	192.849.593	147.976.144.808	1.516.800.000	185.272.127.695
Nợ phải trả						
Phải trả người bán	-	530.499.265	-	-	-	530.499.265
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	10.453.167.554	-	-	-	10.453.167.554
Chi phí phải trả	-	-	113.400.000	-	-	113.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	25.229.883.313	-	-	-	25.229.883.313
Tổng nợ phải trả	-	36.213.550.132	113.400.000	-	-	36.326.950.132
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	20.000.000	(647.216.838)	79.449.593	147.976.144.808	1.516.800.000	148.945.177.563

28.4 Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
(trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A")

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là chủ tịch HĐQT bên liên quan	Tiền gửi giao dịch chứng khoán Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Phải trả phí đại lý phân phối và phí giao dịch CCQ	27.885.922 682.794.483	10.192.626.096 48.233.404	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Công ty mẹ	Danh mục đầu tư ủy thác Vốn góp	62.728.055 820.036.174.000	69.042.308 578.849.076.000	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Danh mục đầu tư ủy thác	100.000.000.000 21.161.950.627	100.000.000.000 27.762.000.000	
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ	3.869.629.203.097 329.655.884	4.684.293.776.175 327.680.984	
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ	39.559.181 74.601.268	61.614.713 42.853.905	
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ Thù lao, thuế Ban đại diện Quỹ IPA PARTNER trả hộ	361.461.866	301.714.898	
Quỹ ETF IPAAM VN100	Quỹ được quản lý	Số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ	65.793.670 19.101.583	64.516.955 12.236.034	
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, phí trả hộ VSDC	87.921.855 33.496.742 3.861.079,44	88.477.286 36.171.974 3.861.079,44	
			34.379.174	76.099.375	
			27.000.000	20.200.000	
			18.820.156	56.444.128	
			27.000.000	-	

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
(trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A")

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ IPA	Cố cùng Công ty mẹ kiểm soát	Phí cấp quyền sử dụng phần mềm	361.100.000	-	
Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm:					
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	Năm nay	Năm trước	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phí quản lý danh mục đầu tư Lãi tài khoản giao dịch chứng khoán Phí giao dịch và phí lưu ký Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở	6.034.562.260 18.547.595 128.789.661 867.264.102	536.703.474 12.074.053 212.595.477 1.179.785.039	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Công ty mẹ	Thuê văn phòng Thoái đầu tư	1.140.000.000 -	1.140.000.000 23.031.799.000	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phí quản lý danh mục đầu tư	-	-	
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch CCQ Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	26.900.000.000 3.772.868.706 574.414.613 352.504.770 156.673.124	27.762.000.000 3.860.771.481 408.144.283 421.681.076 204.247.496	
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ Phí giao dịch CCQ Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	3.962.861.521 231.277.740 403.351.667 25.781.720	3.000.008.997 195.480.187 358.787.026 14.236.517	

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER

(trước đây là "Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A")

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Năm trước</i>
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ Thù lao, thuế Ban đại diện Quỹ IPA PARTNER trả hộ	989.927.564	1.042.149.133
Quỹ ETF IPAAM VN100	Quỹ được quản lý	Giá trị Chứng chỉ quỹ mua trong kỳ Phí quản lý quỹ Phí giao dịch CCQ	302.688.669 - 348.181.807 3.416.404	349.956.035 39.999.999.788 308.152.900 2.858.290
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA	Quỹ được quản lý	Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí quản lý quỹ	228.324.578	160.000.000
Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ IPA	Có cùng Công ty mẹ kiểm soát	Thù lao ban đại diện quỹ IPA PARTNER trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí cấp quyền sử dụng phần mềm	215.882.624 72.600.000 722.200.000	198.201.251 - 722.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Điều hành:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác	-	1.261.765.808
Tổng cộng	-	1.261.765.808

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.140.000.000	1.140.000.000
Từ 1 đến 5 năm	-	-
Tổng cộng	1.140.000.000	1.140.000.000

Các khoản tiền thuê cam kết ước tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng còn hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

31. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

	<i>Giá trị</i>
Hoạt động quản lý quỹ	
Tổng số quỹ hoạt động quản lý	5
Tổng số vốn của các quỹ đang thực hiện quản lý	585.282.460.500
Số lượng quỹ lập trong năm	-
Số lượng quỹ đóng trong năm	-
Phí quản lý quỹ trong kỳ (1)	9.289.722.222
Phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ (2)	991.563.601
Hoạt động quản lý danh mục đầu tư	
Tổng số hợp đồng còn hiệu lực đầu năm	3
Số hợp đồng ký trong năm	1
Số hợp đồng thanh lý trong năm	-
Tổng số hợp đồng đã ký còn hiệu lực thực hiện	4
Phí quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng (3)	33.144.519.593
Tổng phí quản lý thu được từ hoạt động quản lý (1)+(2)+(3)	43.425.805.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHẢI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	0,82%	1,90%
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	99,18%	98,10%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (<i>Nợ phải trả/ Tổng tài sản</i>)	%	19,70%	9,71%
Khả năng thanh toán hiện hành (<i>Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	5,12	10,41
Khả năng thanh toán nhanh (<i>Tài sản lưu động - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	5,12	10,41
Khả năng thanh toán bằng tiền (<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	0,27	1,12
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	94,11%	96,98%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (<i>Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản</i>)	%	22,16%	25,05%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (<i>Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu</i>)	%	27,60%	27,74%



33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt

Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn